

Bản án số: 49/2022/LĐ-ST

Ngày: 25/7/2022

*V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt*

*Hợp đồng lao động*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trịnh Thị Phương Châm

2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Sơn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Lê Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/7/2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động sơ thẩm thụ lý số: 25/2021/TLST-LĐ, ngày 19/3/2021 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2735/2022/QĐXXST-LĐ, ngày 01/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 3376/2022/QĐST-LĐ ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: 148/1 đường L, Phường T, Quận T, Đà Nẵng.

Địa chỉ liên lạc: Lầu 2, 168 đường N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Bà Lý Mỹ Z, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Lầu 2, 168 đường N, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng B1 chứng nhận số công chứng: 000894; Quyền số: 01.TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/02/2020.

*2. Bị đơn:* Công ty TNHH K.

Địa chỉ: 1X đường Đ, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:*

Ông Das A, sinh năm 1975 - Đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: A- 704 Plot No.3x, Sr, Da, Delhi, Ấn Độ.

*(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải, bà Lý Mỹ Z là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc T (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) là người lao động của Công ty TNHH K (Sau đây gọi tắt là Công ty) theo Hợp đồng lao động có xác định thời hạn đã ký kết ngày 10/11/2018, cụ thể như sau:

- Thời hạn thử việc: 02 (Hai) tháng từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/01/2019
- Thời hạn làm việc chính thức: 01 (Một) năm từ ngày 11/01/2019 đến ngày 11/01/2020.
- Vị trí: Trưởng phòng Sales – Khu vực phía Nam.
- Mức lương: 30.342.000 (Ba mươi triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng
- Phụ cấp: 1.911.712 (Một triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm mười hai) đồng.
- Nhận lương bằng hình thức chuyển khoản hàng tháng trong vòng 10 (Mười) ngày đầu tiên của tháng theo số tài khoản do ông T cung cấp cho Công ty (đính kèm sao kê tài khoản ngân hàng).

Ngày 27/09/2019, Bộ phận nhân sự của Công ty đã có email đính kèm Thư thông báo chấm dứt công việc của ông T kể từ ngày 30/09/2019.

Ngày 11/10/2019, Công ty có email đính kèm Thông báo số: 01/TB-KTTN về việc Hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty sẽ chấm dứt đúng thời hạn vào ngày 11/11/2019 theo Hợp đồng đã ký. Thư Thông báo này không có hiệu lực, bởi các lý do sau:

- Thực tế, Công ty đã không cho nguyên đơn làm việc và yêu cầu bàn giao mọi công việc vào ngày 30/09/2019.
- Công ty đã cố tình xác định sai thời điểm chấm dứt của Hợp đồng lao động vào ngày 11/11/2019 và hợp thức hóa việc thông báo trước 30 (Ba mươi) ngày đúng theo quy định của Bộ luật lao động bằng Thư thông báo số: 01/TB-KTTN ngày 11/10/2019.
- Mặt khác, ngày 26/12/2019 Công ty đã gửi bằng email cho nguyên đơn Công văn về việc giải quyết các khoản tiền còn lại để chấm dứt Hợp đồng đề ngày 06/11/2019, theo đó, Công ty xác nhận: “*Công ty KTTN đã gửi anh thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng lao động kể từ ngày 30/09/2019*”.

Tất cả các văn bản thông báo này được bộ phận nhân sự của Công ty gửi đến email của nguyên đơn là [txxnguyen711@gmail.com](mailto:txxnguyen711@gmail.com), không cấp cho nguyên đơn bản chính.

Như vậy theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 38 và Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012 thì Công ty đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn vì vi phạm thời hạn thông báo trước để đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động, chỉ thông báo cho nguyên đơn trước 03 (Ba) ngày tính đến ngày chấm dứt là ngày 30/09/2019. Kể từ thời điểm Công ty thông báo cho nguyên đơn vào ngày 27/09/2019 đến nay, Công ty vẫn chưa chi trả cho nguyên đơn khoản tiền lương từ tháng 9 đến hết ngày Hợp đồng lao động của nguyên đơn được chấm dứt. Bên cạnh đó, kể từ thời điểm ký Hợp đồng lao động ngày 10/11/2018 Công ty không nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, thuế thu nhập cá nhân cho nguyên đơn mặc dù hàng tháng Công ty vẫn đều đặn khấu trừ vào tiền lương của nguyên đơn.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn:

1. Thanh toán tiền lương cho những ngày không được làm việc từ tháng 09/2019 đến tháng 01/2020 là 05 (Năm) tháng tiền lương số tiền: 22.717.712 đồng x 05 tháng = 113.588.560 đồng

2. Thanh toán thêm 02 (Hai) tháng tiền lương số tiền: 32.253.712 đồng x 02 tháng 64.507.424 đồng

3. Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 (Hai mươi bảy) ngày: 32.253.712 đồng : 30 ngày x 27 ngày = 29.028.340 đồng.

4. Đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn kể từ ngày 10/11/2018 đến ngày 11/01/2020 (14 tháng): 1.490.000 x 20 x 32% x 14 = 133.504.000 đồng.

*\* Bị đơn – Công ty TNHH K vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ:*

Căn cứ xác minh Công an phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “Công ty TNHH K không còn hoạt động tại địa chỉ 1X Đ, Quận M, TP.HCM, hiện đi đâu không rõ”.

Căn cứ xác minh Công an phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: “*Thư ký nghiệp vụ đã tiến hành tổng đạt đến địa chỉ trên. Tuy nhiên tại thời điểm tổng đạt, không thấy nhân viên công ty TNHH K làm việc, không gặp được người đại diện theo pháp luật hoặc người có đủ điều kiện để nhận văn bản của công ty, không thấy công ty treo bảng hiệu. Ban quản lý tòa nhà xác nhận công ty đã hết thời hạn hợp đồng thuê văn phòng với tòa nhà và không gia hạn hợp đồng*”.

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các căn cứ đã trình bày.

Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng; Không có ý kiến đối với những yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án và không có đơn yêu cầu phản tố.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Tuy nhiên vụ án được đưa ra xét xử còn chậm, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử cần khắc phục. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Bị đơn dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không cung cấp, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản. Do đó, căn cứ lời khai của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp, trên nguyên tắc có lợi cho người lao động làm căn cứ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ vào Hợp đồng lao động được ký kết bởi nguyên đơn và bị đơn, các chủ thể đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái các đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Do đó hợp đồng có tính pháp lý, phát sinh hiệu lực ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên.

Ngày 27/9/2019, bị đơn đã có email đính kèm Thư thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn kể từ ngày 30/09/2019. Bị đơn thông báo chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật lao động, không báo trước cho nguyên đơn biết về việc chấm dứt hợp đồng lao động ít nhất là 30 ngày nên đã vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012.

Căn cứ theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012: “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định tại các điều 37, 38 và 39 của Bộ luật Lao động” việc bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo thông báo ngày 27/9/2019 với nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định hợp đồng lao động có thời hạn là một năm, người lao động bắt đầu làm việc từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2019. Hai bên có thỏa thuận: “trong trường hợp các bên không thông báo ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng lao động, thời hạn Hợp đồng sẽ tự động gia hạn một năm.” Ngày 11/10/2019, bị đơn có gửi email đính kèm Thông báo số 01/TB-KTTN về việc Hợp đồng lao động giữa bị đơn và nguyên đơn sẽ chấm dứt và không được gia hạn hợp đồng. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn sẽ kết thúc vào ngày 10/11/2019. Từ những phân tích, lập luận trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày

nguyên đơn không được làm việc từ tháng 09/2019 đến khi hết hạn hợp đồng lao động là ngày 10/11/2019.

Bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn. Căn cứ theo Khoản 1, Điều 42 Bộ luật Lao động thì bị đơn phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán thêm 02 (hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động.

Ngày 27/9/2019, bị đơn đã có email đính kèm Thư thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn, bị đơn chỉ thông báo cho nguyên đơn trước 03 ngày tính đến ngày chấm dứt làm việc là ngày 30/9/2019. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 ngày lương là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn hợp đồng là một năm, người lao động bắt đầu làm việc từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2019 và không gia hạn hợp đồng. Do đó bị đơn và nguyên đơn phải truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Phải đóng cho người lao động là ông Nguyễn Ngọc T (Mã số bảo hiểm 48130017xx) từ tháng 10 năm 2018 cho đến ngày hợp đồng kết thúc là ngày 10 tháng 11 năm 2019 là có cơ sở chấp nhận; mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông T là 30.342.000 đồng. Không chấp nhận buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 11/11/2019 đến ngày 11/01/2020.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 36, Điều 41, Điều 42 Bộ Luật Lao động 2012 đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

- Buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ tháng 09/2019 đến khi hết hạn hợp đồng lao động là ngày 10/11/2019.
- Thanh toán thêm 02 (hai) tháng tiền lương: 32.253.712 đồng x 02 tháng 64.507.424 đồng.
- Bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 ngày lương: 32.253.712 đồng : 30 ngày x 27 ngày = 29.028.340 đồng.
- Buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2019.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ ngày 11/11/2019 đến ngày 10/01/2020.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 11/11/2019 đến ngày 11/01/2020.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện bị đơn Công ty TNHH K tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động; Đây là tranh chấp về lao động. Bị đơn Công ty TNHH K có địa chỉ trụ sở tại Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ tháng 09/2019 đến tháng 01/2020 là 05 (Năm) tháng tiền lương, số tiền: 22.717.712 đồng x 05 tháng = 113.588.560 (Một trăm mười ba triệu năm trăm tám mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi) đồng:

Căn cứ vào Hợp đồng lao động được ký kết bởi nguyên đơn và bị đơn, các bên đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái các đạo đức xã hội, hình thức và nội dung phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành. Do đó, hợp đồng có tính pháp lý, phát sinh hiệu lực ràng buộc trách nhiệm pháp lý giữa các bên.

Theo thỏa thuận Hợp đồng lao động đã ký giữa các bên:

*“2.1. Người lao động bắt đầu làm việc vào ngày 10 tháng 11 năm 2018.*

*2.2. Thời hạn thử việc là 60 ngày ... Trong thời gian thử việc, Người sử dụng lao động sẽ không thanh toán bảo hiểm cho người lao động theo luật Việt Nam.*

*2.3. Thời hạn Hợp đồng là một năm. Trong trường hợp các Bên không thông báo ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng, thời hạn Hợp đồng sẽ được tự động gia hạn một năm. Nếu hợp đồng đã được gia hạn tự động một năm và các bên không thông báo ít nhất 30 ngày về ý định chấm dứt hợp đồng, hợp đồng sẽ được tự động gia hạn và có thời hạn không xác định.”*

Xét, ngày 27/9/2019, bị đơn đã có email đính kèm Thư thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn kể từ ngày 30/09/2019. Căn cứ theo quy định tại Điều 41 Bộ luật lao động năm 2012: *“Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật là các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định tại các điều 37, 38 và 39 của Bộ luật Lao động”*. Việc bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo thông báo ngày 27/9/2019 với nguyên đơn là không đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ theo quy định hợp đồng lao động có thời hạn là một năm, người lao động bắt đầu làm việc từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2019. Hai bên có thỏa

thuận: “Trong trường hợp các bên không thông báo ít nhất 30 ngày trước khi kết thúc hợp đồng lao động, thời hạn Hợp đồng sẽ tự động gia hạn một năm”. Ngày 11/10/2019, bị đơn có gửi email đính kèm Thông báo số: 01/TB-KTTN về việc Hợp đồng lao động giữa bị đơn và nguyên đơn sẽ chấm dứt và không được gia hạn hợp đồng. Do đó, hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn sẽ kết thúc vào ngày 10/11/2019. Như vậy, bị đơn thông báo chấm dứt hợp đồng lao động không đúng quy định của pháp luật lao động, không báo trước cho nguyên đơn biết về việc chấm dứt hợp đồng lao động ít nhất là 30 (Ba mươi) ngày nên đã vi phạm thời hạn báo trước theo quy định tại khoản 2 Điều 38 của Bộ luật lao động năm 2012.

Từ những phân tích, lập luận trên có cơ sở để kết luận bị đơn đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động trái pháp luật theo Điều 42 Bộ Luật lao động năm 2012, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn thanh toán tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ tháng 09/2019 đến khi hết hạn hợp đồng lao động là ngày 10/11/2019 (Hai tháng), số tiền:  $22.717.712 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 45.435.424$  (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 11/11/2019 đến ngày 10/01/2020 (Hai tháng) số tiền:  $22.717.712 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 45.435.424$  (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn thanh toán thêm 02 (Hai) tháng tiền lương:  $32.253.712 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 64.507.424$  (Sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng:

Xét, như đã nhận định ở trên, do bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn nên căn cứ theo khoản 1, Điều 42 Bộ luật Lao động thì bị đơn phải nhận người lao động trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết và phải trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày người lao động không được làm việc cộng với ít nhất 02 (Hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn thanh toán thêm 02 (Hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, số tiền:  $32.253.712 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} = 64.507.424$  (Sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 (Hai mươi bảy) ngày lương, số tiền:  $32.253.712 \text{ đồng} : 30 \text{ ngày} \times 27 \text{ ngày} = 29.028.340$  (Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi) đồng.

Xét, ngày 27/9/2019, bị đơn đã có email đính kèm Thư thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với nguyên đơn, bị đơn chỉ thông báo cho nguyên đơn trước 03 (Ba) ngày tính đến ngày chấm dứt làm việc là ngày 30/9/2019. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bồi thường khoản tiền tương ứng với tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 (Hai mươi bảy) ngày lương, số tiền:  $32.253.712 \text{ đồng} : 30 \text{ ngày} \times 27 \text{ ngày} = 29.028.340$  (Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi) đồng là có cơ sở chấp nhận.

2.4. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông kể từ ngày 10/11/2018 đến ngày 11/01/2020 (14 tháng):  $1.490.000 \times 20 \times 32\% \times 14 = 133.504.000$  (Một trăm ba mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn) đồng;

Căn cứ vào hợp đồng lao động được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn hợp đồng là một năm, người lao động bắt đầu làm việc từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/11/2019 và không gia hạn hợp đồng. Do đó bị đơn và nguyên đơn phải truy nộp số tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên tại khoản 2.2. Điều 2 Hợp đồng đã ký, các bên thỏa thuận: “*Thời hạn thử việc là 60 ngày ... Trong thời gian thử việc, Người sử dụng lao động sẽ không thanh toán bảo hiểm cho người lao động theo luật Việt Nam*”. Do đó, bị đơn phải đóng cho người lao động là ông Nguyễn Ngọc T (Mã số bảo hiểm 48130017xx) từ tháng 01/2019 cho đến ngày hợp đồng kết thúc là ngày 10/11/2019 là có cơ sở chấp nhận; Mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông T là: 30.342.000 (Ba mươi triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn) đồng. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 10/11/2018 đến ngày 11/01/2020 (14 tháng), chỉ chấp nhận yêu cầu buộc bị đơn đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ tháng 01/2019 cho đến ngày hợp đồng kết thúc là ngày 10/11/2019 .

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH K phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: 4.169.136 (Bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm ba mươi sáu) đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 38; khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012;
- Điều 30 Nghị định số 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động
- Luật Thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T: Buộc Công ty TNHH K thanh toán cho ông Nguyễn Ngọc T tổng số tiền: 138.971.188



(Một trăm ba mươi tám triệu chín trăm bảy mươi một nghìn một trăm tám mươi tám) đồng, gồm:

- Tiền lương cho những ngày nguyên đơn không được làm việc từ tháng 09/2019 đến khi hết hạn hợp đồng lao động là ngày 10/11/2019 (Hai tháng), số tiền: 22.717.712 đồng x 02 tháng = 45.435.424 (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

- 02 (Hai) tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, số tiền: 32.253.712 đồng x 02 tháng = 64.507.424 (Sáu mươi bốn triệu năm trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

- Tiền lương trong những ngày không báo trước là 27 (Hai mươi bảy) ngày lương, số tiền: 32.253.712 đồng : 30 ngày x 27 ngày = 29.028.340 (Hai mươi chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi) đồng.

Buộc Công ty TNHH K đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho ông Nguyễn Ngọc T từ tháng 01/2019 cho đến ngày hợp đồng kết thúc là ngày 10/11/2019.

Thời hạn thanh toán: Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án (Đối với các khoản tiền Công ty TNHH K phải trả cho ông T cho đến khi thi hành án xong) Công ty TNHH K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T yêu cầu Công ty TNHH K:

- Thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc từ ngày 11/11/2019 đến ngày 10/01/2020 (Hai tháng) số tiền: 22.717.712 đồng x 02 tháng = 45.435.424 (Bốn mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bốn) đồng.

- Đóng đầy đủ các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho nguyên đơn từ ngày 10/11/2018 đến ngày 10/01/2020, từ ngày 10/11/2019 đến tháng 01/2020.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Công ty TNHH K phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: 4.169.136 (Bốn triệu một trăm sáu mươi chín nghìn một trăm ba mươi sáu) đồng.

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo:

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đặng Diệu Linh**